

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**  
Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-8-2022  
V/v: *Ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Hiếu

Ông Nguyễn Hữu Nhị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Trần Xuân S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Xuân S trình bày:***

Anh và chị Trần Thị L kết hôn vào ngày 22/10/2018, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Anh S, chị L đều làm nghề tự do. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Khoảng hơn 01 năm lại nay vợ chồng sống ly thân, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố B, phường T, thành phố H sinh sống. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên anh Trần Xuân S xin được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Vợ, chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh S đang ở tỉnh Đắk Lắk, bản thân hiện đang bị bệnh, sức khỏe yếu nên việc đi lại hết sức khó khăn. Vì vậy, anh không về Tòa án thành phố H để làm việc được, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

***Tại bản tự khai bị đơn chị Trần Thị L trình bày:***

Chị L thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, sống ly thân là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do tính cách không hòa hợp, một phần là do anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà sống thiếu tôn trọng vợ, thường xuyên đe dọa, chửi bới, xúc phạm và có lần đã đồ xăng đốt nhà. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị L cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị L hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố H. Tuy nhiên, do công việc chị không đến Tòa án để tham gia việc giải quyết và xét xử vụ án được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã có bản tự khai, có đơn xin giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Xuân S và chị Trần Thị L đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Trần Xuân S với bị đơn chị Trần Thị L; Về con chung: không có nên miễn xét; Về tài sản, nợ chung: anh S, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Anh Trần Xuân S khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị L nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Chị Trần Thị L hiện trú tại: Tổ dân phố B, phường T, thành phố H. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, xét xử vụ án anh Trần Xuân S, chị Trần Thị L có đơn xin vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố H, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Xuân S, chị Trần Thị L là đúng quy định pháp luật.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

Anh Trần Xuân S và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Xuân S nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S xin được ly hôn. Chị Trần Thị L cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, sống không tôn trọng nhau. Vì vậy, anh S làm đơn xin ly hôn thì chị đồng ý.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa anh S, chị L đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Trần Xuân S với bị đơn chị Trần Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Anh Trần Xuân S và chị Trần Thị L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Xuân S, chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]** Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

**[4] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn anh Trần Xuân S tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh S được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**[5]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273*

*của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Trần Xuân S và chị Trần Thị L.

**2. Về con chung:** Anh Trần Xuân S và chị Trần Thị L không có con chung.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Trần Xuân S và chị Trần Thị L không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn anh Trần Xuân S tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001099 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho anh Trần Xuân S 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Quý,  
Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Quốc Dũng**